

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Quý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phương.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy (Số F đường Đ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QSĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Minh C. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh T. Địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt. (Quyết định ủy quyền số: 3524/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lý Minh C. Ông Nguyễn Bảo Quốc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh T. Địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt (Giấy ủy quyền số: 09/2024/GUQ-CN TTH, ngày 02/01/2024).

Bị đơn: Chị Lê Phùng Nhật L, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 05/4/2019, chị Lê Phùng Nhật L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề

ngiht cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị **Lê Phùng Nhật L**, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, chị **Lê Phùng Nhật L** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.304.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, chị **Lê Phùng Nhật L** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.766.000 đồng (Trong đó: tiền lãi và các loại phí từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/02/2021 là: 10.022.002 đồng), bao gồm thanh toán được một phần tiền gốc, tiền lãi. Tính đến ngày 08/04/2024, chị **Lê Phùng Nhật L** còn nợ của Ngân hàng số tiền là 39.192.940 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.192.940 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, Ngân hàng yêu cầu chị **Lê Phùng Nhật L** trả nợ nhưng chị **Lê Phùng Nhật L** vẫn không trả. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 23/06/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Thời gian đã lâu mà chị **Lê Phùng Nhật L** không trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc chị **Lê Phùng Nhật L** phải trả ngay cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 08/04/2024 là 39.192.940 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.192.940 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 09/04/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc; buộc chị **L** chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn chị **Lê Phùng Nhật L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng quá thời hạn quy định chị **L** vẫn không nộp hoặc gửi văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án đã niêm yết, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng chị **Lê Phùng Nhật L** đều vắng mặt nên không ghi được lời khai, không hòa giải được, do vậy Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là vi phạm Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị **Lê Phùng Nhật L** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 08/04/2024 là 39.192.940 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.192.940 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 09/04/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc; buộc chị **L** chịu toàn bộ án phí.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị **Lê Phùng Nhật L** đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị **Lê Phùng Nhật L**.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** khởi kiện, tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn chị **Lê Phùng Nhật L**, có nơi cư trú tại: **Số A đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/4/2019, chị **Lê Phùng Nhật L** có ký với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Ngày 03/5/2019 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị **Lê Phùng Nhật L** với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ; trả nợ gốc, lãi, lãi suất cho vay, lãi chậm trả..... Xét chủ thể ký, nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117; Điều 118; Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực buộc các bên thực hiện.

Xét bên vay đã vi phạm hợp đồng không thanh toán đúng hạn, đã quá thời hạn trả nợ nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị **Lê Phùng Nhật L** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 08/04/2024 là 39.192.940 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.192.940 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 09/04/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền gốc.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 1.959.647 đồng. (Diễn giải 39.192.940 đồng x 5% = 1.959.647 đồng).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 626.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274; Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị **Lê Phùng Nhật L** buộc phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 08/04/2024 là 39.192.940 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.192.940 đồng.

Kể từ ngày 09/04/2024 bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc chị **Lê Phùng Nhật L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.959.647 đồng. (Một triệu chín trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng)

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 626.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0003768 ngày 27/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CCTHADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Quý Vân**